

DIỄN ĐÀN NGÔN NGỮ HỌC

TÍNH LƯỢNG KHẢ CỦA TỪ “THÌ” TRONG TIẾNG VIỆT

ĐINH VĂN ĐỨC*

Xưa nay, trong ngữ pháp tiếng Việt truyền thống, ai cũng coi từ “thì” là một Liên từ (từ nối). Tuy nhiên, tiếp cận từ ngữ pháp Chức năng (từ bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng) có thể nhận diện thêm về công năng từ này.

Câu nói chung, một khi phân chia theo cấu trúc Đề và Thuyết thì nền tảng cũng là sự phản ánh cấu trúc phán đoán của tư duy. Ngôn ngữ Việt có một sự khác ngôn ngữ biến tổ trong cách thức biểu đạt cú pháp. Theo đó cấu trúc cơ bản của câu tương ứng với cấu trúc của mệnh đề gồm hai phần là Đề và Thuyết (Cao Xuân Hạo, 1991).

Muốn miêu tả những thuộc tính ngữ pháp của Đề và Thuyết trong cấu trúc câu thì cần phải nhận diện chức năng của Đề và Thuyết. Muốn vậy phải có thao tác. Với tiếng Việt, cần tìm ra *vị trí và phương cách phân định ranh giới* hai phần Đề và Thuyết. Ranh giới này có được nhờ phép “chen” (điền từ). Đó là chen một tác tử ngữ pháp dùng làm yếu tố đánh dấu sự phân giới. Tác tử ngữ pháp này hư từ “thì”. Trong một phát ngôn/ câu tiếng Việt, chỗ nào kết cấu cú pháp có khả năng chen tác tử “thì” thì đó chính là ranh giới Đề/ Thuyết.

Nếu chỉ nhìn “thì” trên phương diện kết học thì chức năng của nó là nối (từ với từ, câu với câu) nhưng nếu nhìn “thì” trên phương diện nghĩa học “thì” *còn là một tác tử tình thái* trong công năng phân giải Đề và Thuyết.

Chúng tôi, trong một bài viết gần đây nhất (xin xem “Ngôn ngữ” số 12/2022) đã có một phân tích cụ thể, nay xin nói rõ thêm.

Cao Xuân Hạo, 1991, đã coi “thì” là tác tử ngữ pháp chuyên biệt dùng để đánh dấu ranh giới Đề ngữ và Thuyết ngữ trong câu tiếng Việt. Đây là một nhận thức mới trong một hệ phân tích mới. Chung quanh việc định dạng cấu trúc Đề-Thuyết với cú pháp tiếng Việt cũng còn nhiều ý kiến trao đổi. Cơ bản là thuận, còn lại nếu có khác thì cũng thiên về tiểu tiết.

Trong tiếng Việt, người ta dễ có ấn tượng khi xét tư liệu ngữ pháp của mấy câu thơ sau đây:

*“Mái tóc (thì) chòm (thì) xanh, chòm (thì) lóm đóm,
Hàm răng (thì) chiếc (thì) rụng chiếc (thì) lung lay
Nhập nhèm (thì) bốn mắt (thì) khi (thì) mờ khi (thì) tỏ
Nghiêng ngả (thì) ba chân (thì) lúc (thì) tỉnh lúc (thì) say”*

[Nguyễn Khuyển]

Từ “thì” đặt trong ngoặc là chỗ có khả năng chen vào nơi có thể.

Vậy ngữ nghĩa của “thì” là cái gì?

Phân tích câu: “*Ông ấy (thì) giàu lắm*”. Ta chỉ cần nói: “*Ông ấy giàu lắm*” là đủ thông tin và đúng ngữ pháp. Vậy xuất hiện “thì” trong trường hợp này có ý gì? Ngôn ngữ tự nhiên không có sự dư thừa yếu tố trong dụng ngôn bản ngữ. Vậy: “thì” trong câu này chỉ *có chức năng tình thái*. “Thì” dùng để nhấn mạnh (sự tình) theo dụng ý của người nói. Trên nguyên tắc, rất dễ kiểm tra chất lượng nghĩa của một yếu tố tình thái trong câu: Nếu lược bỏ nó đi mà không ảnh hưởng gì đến nghĩa ngôn liệu của câu (Dictum), ví dụ: *Nhà này (những) bảy tầng. Anh ấy (cũng) người Nghệ. Hôm nay (lại) ăn cháo ả?* Người bản ngữ, trong dụng ngôn, không có ý “vẽ rắn thêm chân”. Khi dùng “thì” phân giới Đề-Thuyết thì cũng tích hợp cho nó năng lực tình thái, cụ thể là dùng nhấn mạnh vào Đề, hoặc nhấn mạnh vào Thuyết và cũng có thể là cả hai (nghĩa là dùng tình thái để tăng lực ngôn trung). Việc diễn đạt tình thái, “thì” có hai biến thể khác: có mặt/ vắng mặt (bắt buộc/ không bắt buộc). Một khi cần nhấn mạnh “thì” sẽ xuất hiện, ví dụ: *Đi đường này (thì) xa lắm*.

Rất nhiều câu tục ngữ Việt có “thì” trong kết cấu Đề-Thuyết:

- *Tham (thì) thâm*

*GS.TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: dinhvanducvnu@gmail.com

- Con vua (thì) lại làm vua

Con sãi ở chùa (thì) quét lá đa.

Và cũng theo nguyên tắc có/ vắng nói trên, cũng có thể nói: *Đời cha ăn mặn đời con khát nước. Có tiền mua tiên cũng được. Không ngứa không gãi.*

Xét “thì” trên tam diện của ngữ pháp có thể thấy là giữa kết học và hai diện kia có tương tác. Một khi “sự tình” của câu (đứng sau “thì”) là một từ đơn tiết thì khả năng dùng “thì” gần như là bắt buộc (“*Mẹ mà biết được thì nguy*”). Câu ca dao sau là một ví dụ nữa:

Chuồn chuồn bay thấp (thì) mưa,

Bay cao (thì) nắng, bay vừa (thì) râm.

Đôi khi Đề cũng có thể nằm ở một phát ngôn trước đó và vắt sang phát ngôn sau trong một cặp thoại liên ngôn với Thuyết (lúc đó “thì” đứng đầu phát ngôn nối), ví dụ:

- A: Mai đi nhậu với mình nhé.

- B: Ừ, *thì đi!*

“Thì” trong trường hợp này là tình thái với cái ý nhấn mạnh vào lời phản hồi (đồng tình sau một chút do dự).

Ý nghĩa “*Sự thể*” là quan trọng nhất trong cú pháp của câu: (“Phi sự thể bất thành cú”). Nhờ tri nhận được cái nghĩa “sự thể” mà người nghe sẽ có được phản hồi: *thuận tình/bác bỏ, đồng ý/ từ chối, khả năng/hiện thực,...* Từ “thì” trong nghĩa tình thái sẽ nhấn mạnh vào khía cạnh nào đó của cái nghĩa *sự thể* (trong câu: “*Tôi (thì) cho việc này là không ổn*” cương vị tình thái của từ này rất rõ. Vì thế, “thì” còn đứng trong hệ hình các yếu tố có giá trị tình thái trong câu như các từ: *là, mà, ngay, chính, cả,...* Nghĩa “sự thể” phải là nòng cốt thông điệp của câu. Sau “thì”, trong mọi trường hợp, luôn hiện hữu các sự tình (tĩnh/ động): Câu Kiều dưới đây là một minh chứng:

“Láng giềng có kẻ qua chơi,

Lân la mới hỏi một đôi sự tình.

Hỏi ông (thì) ông mắc tụng đình,

Hỏi nàng (thì) nàng đã bán mình chuộc cha,

Hỏi nhà (thì) nhà đã dờn xa,...”

[Nguyễn Du]

Có thể nhận xét rằng “thì” vốn có chức năng của từ nối nhưng chính việc làm tác tử phân giới Đề và Thuyết đã làm *xuất hiện nét nghĩa tình thái* nhằm đồng thời nhấn mạnh vào ý nghĩa sự thể trong câu/ phát ngôn. Điều đó giải thích rằng tuy là một Liên từ nhưng vì sao “thì” có tần suất xuất hiện cao nhất trong số các hư từ tiếng Việt ở trong câu.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, q. 1, Hà Nội: Khoa học Xã hội.
2. Chim Văn Bé (2012), *Ngữ pháp Chức năng tiếng Việt: Cú pháp học*, Nxb Giáo dục VN
3. Đào Thanh Lan (2002), *Phân tích cấu trúc câu đơn tiếng Việt theo Đề-Thuyết*, Hà Nội: ĐHQG HN.
4. Đinh Văn Đức (2022), *Các phương pháp phân tích ngữ pháp: Nhìn vào ngôn ngữ Biến tố và Đơn lập*, Nxb ĐHQG HN, Hà Nội.
5. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, Hà Nội: Khoa học Xã hội.
6. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình ngữ dụng học*, Hà Nội: ĐHQG HN.
7. Hoàng Phê (1989), *Logic Ngôn ngữ học*, Hà Nội: Khoa học xã hội.
8. Hoàng Tuệ (1985), *Về khái niệm Tình thái*, Hà Nội: Tạp chí *Ngôn ngữ*, số phụ 1/1985.
9. Lê Đông - Nguyễn Văn Hiệp (2003), *Khái niệm Tình thái trong Ngôn ngữ học*, Hà Nội: Tạp chí *Ngôn ngữ*, s. 7 & 8.
10. Lê Xuân Thai (1995), *Câu Chủ - Vị tiếng Việt*, Hà Nội: Khoa học xã hội.
11. Lý Toàn Thắng (1981), *Giới thiệu lý thuyết phân đoạn thực tại câu*, Hà Nội: Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1.

12. Nguyễn Hồng Cồn (2009), *Cấu trúc thông tin của câu tiếng Việt*, Đề tài NC cấp ĐHQG HN: Bản lưu trữ.
13. Nguyễn Kim Thản (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Hà Nội: Khoa học xã hội.
14. Nguyễn Minh Thuyết - Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Hà Nội: ĐHQG HN.
15. Nguyễn Phú Phong (2002), *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội: ĐHQG HN.
16. Nguyễn Văn Hiệp (2010), *Cú pháp tiếng Việt*, Hà Nội: Giáo dục
17. Nguyễn Văn Lộc (chủ biên), (2017), *Ngữ pháp Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
18. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội: Khoa học xã hội.

NHẬN BÀI: 09/08/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 04/09/2024